

# ẢNH HƯỞNG CỦA CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ, DI CƯ ĐẾN BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP

Đỗ Vũ Phương Anh

Hoàng Thị Huệ

Nguyễn Thị Bích Trâm

Lê Phan Tuấn Đạt

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của chất lượng quản trị, di cư đến bất bình đẳng thu nhập tại 63 tỉnh thành Việt Nam thông qua Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh Việt Nam (PAPI) và khảo sát mức sống dân cư (VHLSS) trong vòng 5 năm (2012, 2014, 2016, 2018 và 2020). Áp dụng mô hình phương pháp hồi quy tổng quát khoảnh khắc (the generalized method of moments - GMM), kết quả cho thấy, các khía cạnh của chất lượng quản trị có ảnh hưởng ngược chiều đến di cư tại Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra, chất lượng quản trị và di cư có ảnh hưởng ngược chiều đến bất bình đẳng thu nhập. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng quản trị, thúc đẩy di cư hợp lý và cải thiện tình trạng bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Bất bình đẳng thu nhập; Chất lượng quản trị; Chỉ số bất bình đẳng Atkinson; Di cư; GMM.

## Đặt vấn đề

Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là những vấn đề được ưu tiên hàng đầu trong chiến lược và chính sách phát triển của các quốc gia trên thế giới. Sau hơn hai thập kỷ đẩy mạnh hội nhập kinh tế toàn cầu, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, bên cạnh đó là những thách thức cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt phải kể đến vấn đề gia tăng tình trạng bất bình đẳng thu nhập. Để giảm thiểu bất bình đẳng thu nhập và các tác động tiêu cực, trước hết cần tìm ra những yếu tố là nguyên nhân làm gia tăng hoặc giảm thiểu bất bình đẳng thu nhập (Vo & cộng sự, 2019), trong đó chất lượng quản trị và di cư được xem xét như là các yếu tố có tác động mạnh mẽ đến việc giảm thiểu tình trạng bất bình đẳng thu nhập.

Chất lượng quản trị thông qua mức độ tham nhũng, chất lượng dịch vụ công và tính dân chủ được đánh giá là có tác động mạnh mẽ đến tình trạng bất bình đẳng thu nhập (Ghura, 1998; Song & cộng sự, 2021). Samarasinghe (2018) lập luận, những yếu kém trong chính sách quản lý nhà nước có xu hướng làm gia tăng sự chênh lệch trong phân bổ lợi ích kinh tế cho các nhóm dân cư trong xã hội. Bên cạnh đó, thu nhập bình quân đầu người có thể chịu tác động của môi trường chính trị, tính dân chủ (Ceka & Magalhaes, 2020) hay kiểm soát tham nhũng (Song & cộng sự, 2021). Ngoài ra, mối quan hệ giữa chất lượng quản trị và di cư cũng nhận được nhiều sự quan tâm của nhiều học giả (Giang & cộng sự, 2020), với nhiều nghiên cứu chỉ ra, tham nhũng hay chất lượng dịch vụ công và hệ thống pháp lý có ảnh

hưởng đến quyết định di cư của người dân (Nifo & Vecchione, 2014).

Bên cạnh chất lượng quản trị, di cư cũng đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực giảm thiểu bất bình đẳng và nghèo đói trong xã hội (Koczan & Loyola, 2021). Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế tạo nên xu hướng dịch chuyển lao động toàn cầu, mối quan hệ giữa di cư và bất bình đẳng thu nhập là vấn đề được tập trung xem xét. Nhiều nghiên cứu tại các quốc gia đang phát triển chỉ ra, thông qua cơ hội việc làm, di cư có ảnh hưởng đến thu nhập của người di cư (Istiqomah & cộng sự, 2020). Tại Việt Nam, nghiên cứu của Nguyen & cộng sự (2011) hay Hoang & cộng sự (2021) cũng chỉ ra, di cư làm tăng thu nhập và phúc lợi hộ gia đình của những người ở lại thông qua kiều hối.

Như vậy, nhiều học giả đã chỉ ra mối quan hệ của chất lượng quản trị, di cư và bất bình thu nhập. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu chỉ tập trung phân tích ảnh hưởng của chất lượng quản trị thông qua các khía cạnh riêng lẻ như tham nhũng, dịch vụ công, ... mà chưa đưa ra cái nhìn tổng quát về chất lượng quản trị. Do vậy, cần thiết phải đánh giá đầy đủ các khía cạnh nhằm giải thích rõ ràng và khách quan về vai trò của chất lượng quản trị đến di cư cũng như bất bình đẳng thu nhập (Vo & cộng sự, 2019). Với mong muốn lấp đầy một phần khoảng trống trước đó, nghiên cứu này sử dụng Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công Việt Nam (PAPI) để đo lường chất lượng quản trị thông qua nhiều yếu tố tổng hợp. Bên cạnh đó, sự gia tăng của bất bình đẳng thu nhập đang là một vấn đề đáng lo ngại với sự phát triển và ổn định kinh tế - xã hội Việt Nam. Do đó, nhóm tác giả kỳ vọng sẽ đưa ra những đánh giá, phân tích sâu sắc về tình trạng bình đẳng thu nhập tại Việt Nam cũng như mối quan hệ giữa các yếu tố về kinh tế, chính trị, xã hội đến tình trạng bất bình đẳng thu nhập thông qua nghiên cứu này.

Kết quả nghiên cứu là cơ sở đưa ra các khuyến nghị nhằm giảm tình trạng bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam thông qua các chính sách liên quan đến chất lượng quản trị và di cư.

## 1. Cơ sở lý luận

### 1.1. Ảnh hưởng của chất lượng quản trị đến di cư

Di cư được định nghĩa là sự di chuyển của người dân từ vị trí địa lý này sang vị trí địa lý khác (Zhang, 2004) và là một dạng chiến lược nhằm mục đích đa dạng hóa sinh kế, gia tăng nguồn thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong khi đó, chất lượng quản trị là việc đo lường mức độ hoạt động của chính quyền địa phương ở các khía cạnh quản trị (Đỗ Tuyết Nhung & Lê Quang Cảnh, 2020). Quyết định liên quan đến di cư của người dân thường chịu tác động mạnh mẽ của yếu tố chất lượng quản trị thông qua quy luật đẩy và kéo (Docquier & Rapoport, 2012; Baudassé & cộng sự, 2018).

Một mặt, chất lượng quản trị kém hiệu quả sẽ trở thành nhân tố then chốt thúc đẩy người lao động di cư tới những vùng có chất lượng quản trị tốt hơn (Mayda, 2010). Campos & cộng sự (2010) và Arif (2022) đã chỉ ra, tham nhũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự phân bổ nguồn lực kém hiệu quả, gây kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế; qua đó tác động trực tiếp đến quyết định di cư của người dân. Đặc biệt, sự phân phối lợi ích dựa trên các khoản hối lộ trong việc tiếp cận cơ hội việc làm, thu nhập, ... sẽ khiến người dân mất niềm tin vào chính quyền, từ đó thúc đẩy di cư (Arif, 2022). Bên cạnh đó, chất lượng dịch vụ công kém hiệu quả tại các địa phương sẽ thúc đẩy ý định di cư của người lao động, bất chấp trình độ học vấn thấp cùng những hạn chế bẩm sinh có thể khiến họ khó thích nghi tại nơi ở mới (Ackah & Medvedev, 2012). Ngoài ra, bộ máy hành chính công kênh, kém hiệu quả, người dân phải đi qua nhiều cơ quan để hoàn thành một thủ tục ảnh

hưởng nghiêm trọng tới mức độ hài lòng của họ, đẩy mạnh ý định di cư của người dân (Mohamed & Abdul-Talib, 2020).

Ngược lại, nâng cao chất lượng quản trị sẽ làm giảm ý định di cư, đồng thời thu hút người lao động nhập cư, đặc biệt là lao động có trình độ cao. Nghiên cứu của Aron (2000) và Lê & cộng sự (2021) chỉ ra, môi trường có chất lượng quản trị ổn định, kiểm soát tham nhũng tốt sẽ thu hút các nhà đầu tư, đem lại lợi ích cho các doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung; qua đó thu hút người lao động tới nhập cư, đặc biệt là lao động có trình độ học vấn cao. Bên cạnh đó, việc cải cách vấn đề an sinh xã hội (Musalem & Ortiz, 2011) và nâng cao chất lượng dịch vụ công như: y tế (Trubek & Das, 2003), giáo dục (Gerged & Elheddad, 2020) sẽ góp phần thu hút người nhập cư. Có thể thấy, các nước có chất lượng quản trị ổn định sẽ là “lựa chọn” hàng đầu của người lao động nhằm cải thiện điều kiện sống, đặc biệt là lao động tay nghề cao (Nifo & Vecchione, 2014). Tại Việt Nam, nghiên cứu của Giang & cộng sự (2020) cho thấy việc Chính phủ kiểm soát tốt sự tham gia của người dân và đảm bảo tính công khai, minh bạch và giảm tham nhũng có thể mở ra nhiều cơ hội việc làm ổn định và hấp dẫn, từ đó không chỉ giữ chân lực lượng lao động trong nước mà còn thu hút lượng lớn người nhập cư và giữ chân họ ở lại dài lâu.

Từ các nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước, có thể thấy, chất lượng quản trị có tác động đa chiều đến di cư. Tuy nhiên, để phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết:

H1: Chất lượng quản trị có tác động ngược chiều đến di cư tại Việt Nam.

## ***1.2. Ảnh hưởng của chất lượng quản trị đến bất bình đẳng thu nhập***

Theo Tổng cục Thống kê, bất bình đẳng thu nhập được hiểu là sự phân phối thu nhập và tài sản không đồng đều giữa các cá nhân, nhóm người trong xã hội hoặc các quốc gia (Đào, 2022). Trong khi đó, chất lượng quản trị là một trong những yếu tố có tác động mạnh mẽ đến việc giảm bất bình đẳng thu nhập thông qua các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phân bổ nguồn lực hiệu quả, xóa đói giảm nghèo trong xã hội (Huang & Ho, 2018).

Một mặt, tình trạng bất bình đẳng thu nhập chịu tác động tiêu cực của chất lượng quản trị kém hiệu quả. Không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm người trong xã hội, tham nhũng còn tạo điều kiện thúc đẩy hành vi trốn thuế, để lại những hậu quả bất lợi trong quá trình tái phân phối thu nhập thông qua hệ thống thuế quốc gia (Abed & Gupta, 2002). Nghiên cứu của Easaw & Savoia (2009) về ảnh hưởng của sự cải cách tại các quốc gia đang phát triển cho thấy những liên quan đến kinh tế, chẳng hạn như quyền sở hữu tài sản phụ thuộc đáng kể vào mức độ dân chủ, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính phủ.

Mặt khác, chất lượng quản trị tốt có xu hướng cải thiện tình trạng bất bình đẳng thu nhập. Cụ thể, Valeriani & Peluso (2011) đã đề cập việc nâng cao chất lượng bộ máy quản trị có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, đồng thời giảm chênh lệch thu nhập của cư dân tại các địa phương khác nhau. Nghiên cứu của Song & cộng sự (2021) cũng cùng chung quan điểm này khi nhận định yếu tố kiểm soát tham nhũng có khả năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển thông qua việc tạo cơ hội việc làm cho người dân, giảm tỷ lệ thất nghiệp; qua đó thu hẹp khoảng cách thu nhập của các nhóm dân cư. Một hệ thống pháp quyền chặt chẽ, vững mạnh giúp nâng cao mức độ tin tưởng vào chính quyền của người dân, đặc biệt

ở các khía cạnh như: chất lượng thực thi hợp đồng, hiệu quả hoạt động của lực lượng cảnh sát và hệ thống tòa án, đồng thời giúp cải thiện đáng kể sự chênh lệch trong thu nhập (Şaşmaz, 2020). Tại Việt Nam, Nguyen & cộng sự (2021) chỉ ra, hiệu suất quản trị và hành chính công tốt hơn giúp cải thiện phân phối thu nhập và giảm nghèo, trong phạm vi một tỉnh, quản trị và hành chính công tốt hơn sẽ đem lại lợi ích cho nhóm người nghèo nhất trong xã hội, từ đó thu hẹp chênh lệch về thu nhập trong các nhóm dân cư và giảm bất bình đẳng thu nhập.

Nhìn chung, việc giảm bất bình đẳng thu nhập có thể chịu ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực bởi chất lượng quản trị. Tuy nhiên, để phù hợp với mục tiêu nghiên cứu cũng như bối cảnh tại Việt Nam, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết:

H2: Chất lượng quản trị có tác động ngược chiều đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam.

### **1.3. Ảnh hưởng của di cư đến bất bình đẳng thu nhập**

Mặc dù mối quan hệ giữa di cư và bất bình đẳng thu nhập đã và đang thu hút sự chú ý của nhiều nhà khoa học trong thời gian qua, các học giả vẫn đưa ra nhiều góc nhìn và ý kiến trái chiều (Ji & cộng sự, 2022).

Dưới góc nhìn tiêu cực, di cư làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng thu nhập trong xã hội. Taylor & Wyatt (1996) cho rằng, chuyển dịch lao động tập trung chủ yếu vào các ngành phi nông nghiệp với yêu cầu cao về nguồn nhân lực, vốn, trình độ chuyên môn, từ đó, di cư giúp cho nhóm dân cư có mức sống, trình độ cao ngày càng gia tăng thu nhập mà không làm cải thiện thu nhập của nhóm lao động phổ thông và các nhóm yếu thế trong xã hội. Istiqomah & cộng sự (2020) cũng cho thấy, di cư quốc tế có tác động thuận chiều đến bất bình đẳng thu nhập với xác suất là 58,69%, nguyên nhân là do chi phí di cư ban đầu cao nên chỉ những gia đình có mức thu nhập tương đối cao mới có khả năng gửi các

thành viên ra nước ngoài, do đó cũng chính những gia đình này mới được hưởng lợi từ kiều hối, nên sự bất bình đẳng sẽ gia tăng.

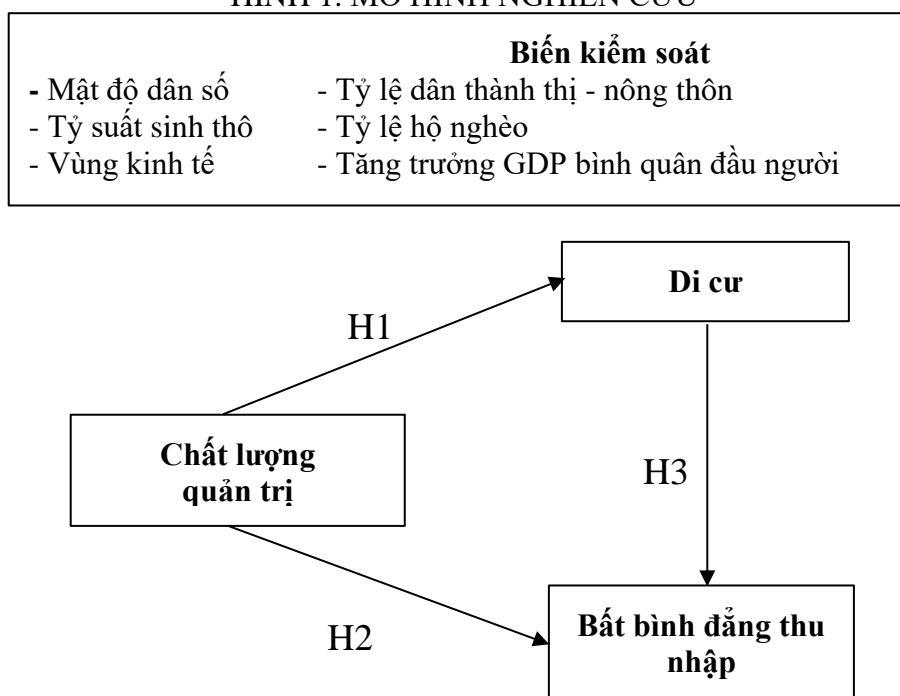
Dưới góc nhìn tích cực, di cư giúp người dân có thêm thu nhập và giải quyết các khó khăn về tài chính cho người thân và gia đình của họ, từ đó làm giảm bất bình đẳng thu nhập (Lopez-Feldman & Chavez, 2017). Dựa trên dữ liệu khảo sát hộ gia đình ở Ninh Hạ, nghiên cứu của Gustafsson & Sai (2014) đã chỉ ra, mặc dù thu nhập khả dụng tại khu vực tương đương nhau, khối lượng tài sản trung bình của người Hồi lại thấp hơn người Hán gần 30%. Nguyên nhân là do sự gia tăng tỷ lệ di cư và nguồn thu nhập từ kiều hối của các hộ gia đình dân tộc Hồi cao hơn đáng kể. Bang & cộng sự (2016) cũng nhận định di cư mang lại mức gia tăng thu nhập đáng kể từ kiều hối đối với những hộ gia đình nghèo đặc biệt ở những vùng nông thôn hoặc vùng có nền kinh tế kém phát triển. Tại Việt Nam, cả di cư vì việc làm và di cư không vì việc làm đều có tác động tích cực đến cải thiện thu nhập và chi tiêu của người di cư và người ở lại (Nguyen & cộng sự, 2011; Hoang & cộng sự, 2021). Đặc biệt, di cư vì việc làm có tác động đáng kể đến giảm bất bình đẳng thu nhập với kết quả cho thấy di cư vì mục đích làm việc đã làm tăng thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình thêm 897.000 đồng (tăng 19%) trong thời gian từ 2004 đến 2006 (Nguyen & cộng sự, 2011).

Nhìn chung, có nhiều ý kiến trái chiều về tác động của di cư đến bất bình đẳng thu nhập. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam cho thấy di cư có tác động tích cực đến việc giảm bất bình đẳng thu nhập. Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết:

H3: Di cư có tác động ngược chiều đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam.

Từ các lập luận ở trên, nhóm tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu như Hình 1.

HÌNH 1. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU



Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Dữ liệu

Bài viết sử dụng dữ liệu từ các nguồn chính sau đây:

Thứ nhất, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (The Viet Nam Provincial Governance and Public Administration Performance Index - PAPI) được dùng để đo lường chất lượng quản trị cấp tỉnh ở Việt Nam.

Thứ hai, khảo sát mức sống dân cư (Viet Nam Household Living Standards Survey - VHLSS) của Tổng cục Thống kê trong 5 năm 2012, 2014, 2016, 2018 và 2020 để tính toán chỉ số bất bình đẳng thu nhập và tỷ suất xuất cư của tỉnh.

Thứ ba, dữ liệu được công bố từ Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam để đo lường các biến kiểm soát: mật độ dân số, tỷ lệ dân thành thị - nông thôn, tỷ suất sinh thô, tỷ

lệ hộ nghèo, tăng trưởng GDP bình quân đầu người, vùng kinh tế.

### 2.2. Đo lường

#### Đo lường chất lượng quản trị

Nghiên cứu sử dụng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) theo đề xuất của Giang & cộng sự (2020). Tuy nhiên, tác giả cho rằng các chỉ số lĩnh vực của PAPI có tương quan chặt chẽ với nhau và điều này có thể dẫn đến hiện tượng đa cộng tuyến trong hồi quy. Do vậy, nghiên cứu chia 6 chỉ số thành 3 khía cạnh theo đề xuất của Giang & cộng sự (2020), sau đó đồng bộ các khía cạnh về thang điểm 10. Cụ thể, 3 khía cạnh bao gồm:

**Dân chủ:** sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở; công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình với người dân.

**Kiểm soát tham nhũng:** kiểm soát tham nhũng trong khu vực công.

**Dịch vụ công:** thủ tục hành chính công và cung ứng dịch vụ công.

*Đo lường di cư*

Đo lường di cư, nghiên cứu sử dụng tỷ suất xuất cư của 63 tỉnh thành được tính toán trên bộ dữ liệu VHLSS dựa theo hướng dẫn của Tổng cục Thống kê. Theo Tổng cục Thống kê (2016) tỷ suất xuất cư là số người xuất cư của một đơn vị lãnh thổ trong kỳ nghiên cứu tính bình quân trên 1000 dân của đơn vị lãnh thổ đó, công thức (1):

$$OMR (\%) = \frac{O}{P_{tb}} \times 1000 \quad (1)$$

Trong đó:

OMR: Tỷ suất xuất cư;

O: Số người xuất cư ;

P<sub>tb</sub>: Dân số trung bình (hay dân số có đến giữa năm).

*Đo lường bất bình đẳng thu nhập*

Để phù hợp với phạm vi, bối cảnh nghiên cứu và sự sẵn có của dữ liệu từ kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam (VHLSS), theo đề xuất của Benjamin và cộng sự (2017), nghiên cứu tính toán thu nhập bình quân đầu người bằng cách lấy tổng thu nhập hộ gia đình chia cho quy mô hộ gia đình. Tiếp theo, bài viết tính toán chỉ số bất bình đẳng thu nhập thông qua chỉ số bất bình đẳng Atkinson, theo Tsui (1995) chỉ số Atkinson được trình bày tại công thức (2):

$$I = 1 - \left[ \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n \left( \frac{d_i}{\mu(d)} \right)^{1-\epsilon} \right]^{\frac{1}{1-\epsilon}} \quad (2)$$

Với  $d_i$  là thu nhập bình quân của cá nhân  $i$ ,  $\mu(d)$  là thu nhập bình quân trung bình các cá nhân đạt được,  $n$  là tổng số cá nhân trong xã hội và  $\epsilon$  là tham số thể hiện sự nhạy cảm của xã hội với bất bình đẳng.

**2.3. Phương pháp**

Để đánh giá tác động của chất lượng quản trị đến di cư và tác động của chất lượng quản trị và di cư đến bất bình đẳng thu nhập, nhóm tác giả sử dụng phương trình hồi quy (3) và (4):

$$Dicu_{jt} = \beta_0 + \beta_1 * Quantri_{jt} + \beta_2 X_{jt} + u_{jt} \quad (3)$$

$$BBĐ_{jt} = \beta_0 + \beta_1 * Quantri_{jt} + \beta_2 * Dicu_{jt} + \beta_3 X_{jt} + u_{jt} \quad (4)$$

Trong đó:

$BBĐ_{jt}$  là bất bình đẳng thu nhập, đo lường bằng chỉ số Atkinson;

$Quantri_{jt}$  là chất lượng quản trị, đo lường bằng chỉ số PAPI;

$Dicu_{jt}$  là di cư, đo lường bằng tỷ suất xuất cư của tỉnh;

$X_{jt}$  là các biến kiểm soát, gồm: tỷ số giới tính, mật độ dân số, tỷ lệ thành thị - nông thôn, tỷ suất sinh thô, tỷ lệ nghèo, tăng trưởng GDP bình quân đầu người, vùng kinh tế;

$u_{jt}$  là các biến không quan sát được;

$j$  đại diện cho tỉnh và  $t$  đại diện cho năm.

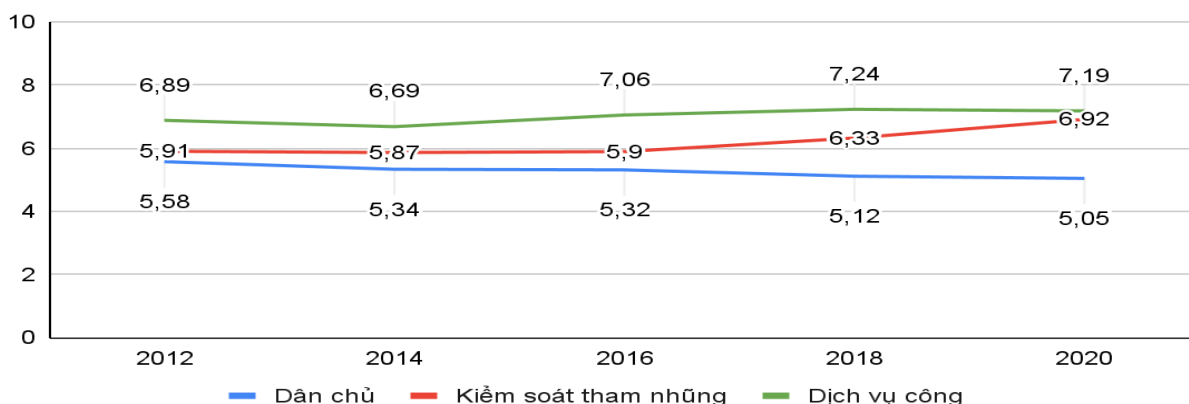
Tiếp theo, nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quát của các khoảnh khắc (Generalized Method of Moments - GMM) để ước lượng phương trình hồi quy (3) và (4) nhằm khắc phục hiện tượng nội sinh trong mô hình theo đề xuất của Hansen (1982). Trước hết, để kiểm định sự phù hợp của phương pháp GMM, nghiên cứu thực hiện kiểm định nội sinh Durbin-Wu Hausman, kết quả (tại Bảng 3 và Bảng 4) cho thấy, có hiện tượng nội sinh trong mô hình. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng kiểm định Hansen (hay kiểm định Sargan) để kiểm tra sự phù hợp của biến công cụ và kiểm định Arellano - Bond (AR) để kiểm tra tính chất tự tương quan của phương sai sai số mô hình GMM. Kết quả tại Bảng 3 và Bảng 4 cho thấy, tất cả các biến công cụ được sử dụng trong mô hình là hợp lý và không có hiện tượng tự tương quan bậc 2 cho phần dư trong mô hình ước lượng.

**3. Kết quả nghiên cứu**

**3.1. Thống kê mô tả**

*Thực trạng chất lượng quản trị*

HÌNH 2. CÁC KHÍA CẠNH CỦA CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ TÍNH TRUNG BÌNH CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2012-2020

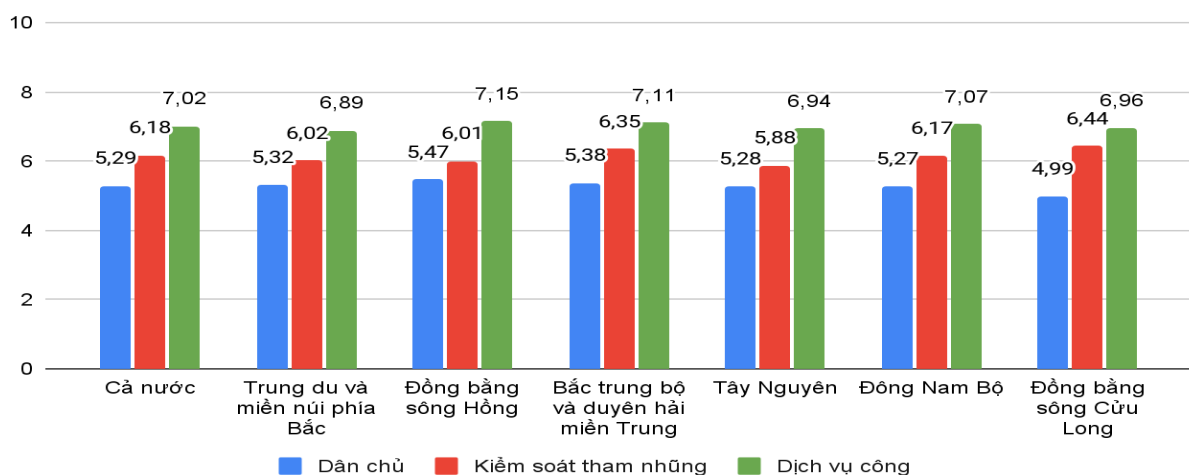


Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

Điểm số các khía cạnh dân chủ, kiểm soát tham nhũng và dịch vụ công có sự biến đổi khác nhau trong cả giai đoạn 2012-2020 (Hình 2). Cụ thể, khía cạnh dân chủ tại Hình 2 cho thấy, giá trị trung bình 63 tỉnh thành của khía cạnh dân chủ giảm trong giai đoạn từ năm 2012 - 2020 (giảm 0,53 điểm). Tuy nhiên, giá trị trung bình

của chỉ số đo lường khía cạnh kiểm soát tham nhũng và khía cạnh dịch vụ công tăng lần lượt 1,01 và 0,3 điểm trong giai đoạn nghiên cứu. Nói cách khác, các tỉnh thành đang ngày càng kiểm soát tốt tình trạng tham nhũng và cải thiện việc cung cấp dịch vụ, hành chính công của địa phương.

HÌNH 3. CÁC KHÍA CẠNH CỦA CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ TÍNH TRUNG BÌNH THEO KHU VỰC GIAI ĐOẠN 2012-2020



Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

Hình 3 cho thấy chỉ số PAPI của 3 khía cạnh của cả nước và 6 vùng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2012-2020. Nhìn chung, trong giai đoạn nghiên cứu, tại tất cả các khu vực và cả nước,

khía cạnh dân chủ có điểm số trung bình thấp nhất, tiếp đến là khía cạnh kiểm soát tham nhũng và cao nhất là khía cạnh dịch vụ công. Điểm số của cả 3 khía cạnh có sự chênh lệch giữa các vùng, tuy nhiên sự chênh lệch là không

đáng kể, thể hiện chất lượng quản trị của các vùng Việt Nam trong giai đoạn 2012-2020 tương đối đồng đều.

*Thực trạng di cư*

**BẢNG 1. TỶ SUẤT XUẤT CƯ TẠI CÁC TỈNH THÀNH Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2020 (%)**

	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Phương sai</b>	<b>Hệ số Kurtosis</b>	<b>Hệ số Skewness</b>	<b>Khoảng biến thiên</b>	<b>Giá trị nhỏ nhất</b>	<b>Giá trị lớn nhất</b>
2012	7,123	2,755	7,590	3,132	0,372	13,9	1,7	15,6
2014	7,801	3,585	12,85	3,294	0,645	16,1	2,1	18,2
2016	6,784	2,634	6,939	7,244	1,803	14,6	1,5	16,1
2018	6,361	2,628	6,908	7,331	1,785	13,8	1,2	15
2020	7,923	4,472	20,00	3,443	0,908	20,8	1,5	22,3

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.*

Bảng 1 cho thấy trong giai đoạn 2012-2020, tỷ suất xuất cư của các tỉnh thành tại Việt Nam có sự biến động. Giai đoạn 2012-2014, tỷ suất xuất cư có xu hướng giảm (giảm 0,678%), giai đoạn 2014-2016 giảm liên tục 1,44%, tuy nhiên đến giai đoạn 2018-2020 lại giảm 1,562%. Nhìn chung, trong cả giai đoạn nghiên cứu, tỷ

suất xuất cư trung bình cả nước giảm 0,8%. Ngoài ra, trong giai đoạn nghiên cứu, khoảng biến thiên có xu hướng tăng thể hiện sự chênh lệch về tỷ suất xuất cư ngày càng cao giữa các tỉnh thành Việt Nam

*Thực trạng bất bình đẳng thu nhập*

**BẢNG 2. CHỈ SỐ BÌNH ĐẲNG THU NHẬP TẠI CÁC TỈNH THÀNH TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2020**

	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Phương sai</b>	<b>Hệ số Kurtosis</b>	<b>Hệ số Skewness</b>	<b>Khoảng biến thiên</b>	<b>Giá trị nhỏ nhất</b>	<b>Giá trị lớn nhất</b>
2012	0,453	0,082	0,006	3,169	0,484	0,389	0,296	0,685
2014	0,469	0,084	0,007	4,145	0,857	0,418	0,322	0,740
2016	0,454	0,083	0,006	5,105	0,753	0,482	0,253	0,735
2018	0,484	0,080	0,006	6,258	1,407	0,453	0,351	0,804
2020	0,407	0,099	0,009	5,251	1,108	0,543	0,233	0,776

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.*

Bảng 2 cho thấy, trong giai đoạn 2012-2020, chỉ số đo lường bất bình đẳng thu nhập có sự biến động, tuy nhiên trong cả giai đoạn nghiên cứu, bất bình đẳng thu nhập giảm tại các tỉnh thành Việt Nam. Chỉ số bất bình đẳng thu nhập

trung bình 63 tỉnh thành Việt Nam giảm từ 0,453 điểm năm 2012 xuống 0,407 điểm năm 2020, cả giai đoạn giảm 0,048 điểm. Ngoài ra, trong giai đoạn 2012-2020, khoảng biến thiên có xu hướng tăng thể hiện sự chênh lệch bất

bình đẳng thu nhập ngày càng cao giữa các tỉnh thành Việt Nam.

### 3.2. Ảnh hưởng của chất lượng quản trị đến di cư

BẢNG 3. KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG ẢNH HƯỞNG CỦA CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ ĐẾN DI CƯ TẠI VIỆT NAM

Biến độc lập		Di cư
Biến trễ của di cư		-0,0296*
Dân chủ		-0,3952***
Tham nhũng		-0,1165***
Dịch vụ công		-0,1407**
Biến kiểm soát		
Tỷ số giới tính		-0,3412***
Mật độ dân số		-0,0029***
Tỷ lệ thành thị - nông thôn (Tham chiếu: nông thôn)	Thành thị	3,4601**
Tỷ suất sinh thô		0,5892***
Tỷ lệ nghèo		-0,1258***
Tăng trưởng GDP bình quân đầu người		-0,0727***
Vùng kinh tế (Tham chiếu: Trung du và miền núi phía Bắc)	Đồng bằng sông Hồng	-0,1471*
	Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung	0,0690**
	Tây Nguyên	0,2502**
	Đông Nam Bộ	-0,2502**
	Đồng bằng sông Cửu Long	-0,7393***
Hằng số		66,9725***
Wald chi2(15)		11805,99
Prob>chi2		0,000
Wu-Hausman F(1,24)		0,0002
AR(2) (P-value)		0,421
Hansen J. (P-value)		0,357
Số quan sát		252
Số biến công cụ		62

Mức ý nghĩa thống kê: \*  $p < 0,1$ ; \*\*  $p < 0,05$ ; \*\*\*  $p < 0,01$ .

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

Kết quả tại Bảng 3 cho thấy, chất lượng quản trị có ảnh hưởng ngược chiều đến di cư tại Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu. Cụ thể, tại mức ý nghĩa 1%, khi chỉ số đo lường khía cạnh dân chủ và kiểm soát tham nhũng tăng 1 điểm, tỷ lệ xuất cư của tỉnh giảm lần lượt 0.3952 và 0.1165%. Tại mức ý nghĩa 5%, khi chỉ số đo lường khía cạnh Dịch vụ công tăng 1 điểm, tỷ lệ xuất cư giảm 0.140%. Có thể thấy, khía cạnh dân chủ có tác động mạnh mẽ nhất đến di cư tại

các tỉnh thành của Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu.

Kết quả trên đồng tình với một số nghiên cứu trước đây khi xem xét ảnh hưởng của chất lượng quản trị đến vấn đề di cư, điển hình như nghiên cứu của Mayda (2022). Nguyên nhân là do việc cải thiện các khía cạnh của chất lượng quản trị sẽ góp phần cải thiện chất lượng đời sống vật chất, tinh thần; nâng cao phúc lợi xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Từ đó, gia tăng sự hài lòng của người dân đối với

chính quyền và giảm ý định di cư. Bên cạnh đó, sự dân chủ thông qua tự do kinh tế kết hợp với kiểm soát tham nhũng tốt của chính quyền sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (vốn, lao động) trong dài hạn (Nifo & Vecchione, 2014). Đặt trong bối cảnh Việt Nam, việc cải thiện các khía cạnh chất lượng quản trị sẽ tạo ra môi trường kinh doanh an toàn, lành mạnh, khuyến khích đầu tư và hướng tới các hoạt động kinh tế hiệu quả, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, giúp họ ổn định sinh kế, từ đó làm giảm tỷ lệ xuất cư của địa phương.

Bảng 3 cũng cho thấy, đặc điểm của các tỉnh thành có ảnh hưởng đến tỷ lệ di cư. Trong khi tỷ số giới tính, mật độ dân số, tỷ lệ nghèo và tăng trưởng GDP bình quân đầu người có tác động ngược chiều thì tỷ lệ thành thị - nông thôn và tỷ suất sinh thô có tác động cùng chiều đến tỷ suất xuất cư tại Việt Nam. Ngoài ra, tình trạng di cư cũng có sự khác biệt tại các vùng kinh tế của Việt Nam.

### 3.3. Ảnh hưởng của chất lượng quản trị, di cư đến bất bình đẳng thu nhập

**BẢNG 4. KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG ẢNH HƯỞNG CỦA CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ, DI CƯ ĐẾN BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP TẠI VIỆT NAM**

Biến độc lập		Bất bình đẳng thu nhập
Biến trễ của Bất bình đẳng thu nhập		-0,2181***
Dân chủ		-0,0398***
Tham nhũng		-0,0042**
Dịch vụ công		-0,0319***
Di cư		-0,0033***
Biến kiểm soát		
Tỷ số giới tính		-0,0077***
Mật độ dân số		-0,00002***
Tỷ lệ thành thị - nông thôn (Tham chiếu: nông thôn)	Thành thị	-0,0600***
Tỷ suất sinh thô		0,0025**
Tỷ lệ nghèo		0,0030***
Tăng trưởng GDP bình quân đầu người		-0,0015***
Vùng kinh tế (Tham chiếu: Trung du và miền núi phía Bắc)	Đồng bằng sông Hồng	-0,0348**
	Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung	0,0273**
	Tây Nguyên	0,0851***

	Đông Nam Bộ	-0,0535**
	Đồng bằng sông Cửu Long	0,0724***
Hằng số		1,2144***
Wald chi2(16)		272.716,09
Prob>chi2		0,000
Wu-Hausman F(1,24)		0,0330
AR(2) (P-value)		0,243
Hansen J. (P-value)		0,770
Số quan sát		252
Số biến công cụ		61

Mức ý nghĩa thống kê: \*  $p < 0,1$ ; \*\*  $p < 0,05$ ; \*\*\*  $p < 0,01$ .

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

Kết quả ước lượng ảnh hưởng của chất lượng quản trị, di cư đến bất bình đẳng thu nhập được trình bày tại Bảng 4.

Kết quả cho thấy, các khía cạnh của chất lượng quản trị có ảnh hưởng ngược chiều đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu. Cụ thể, tại mức ý nghĩa 1%, khi chỉ số đo lường khía cạnh dân chủ và dịch vụ công tăng 1 điểm, chỉ số bất bình đẳng thu nhập giảm lần lượt 0,0398 và 0,0319 điểm. Tại mức ý nghĩa 5%, khi chỉ số đo lường khía cạnh kiểm soát tham nhũng tăng 1 điểm, chỉ số bất bình đẳng thu nhập giảm 0,0042 điểm. Kết quả trên đồng tình với một số nghiên cứu trước đây khi xem xét ảnh hưởng của chất lượng quản trị đến bất bình đẳng thu nhập, điển hình như Gupta & cộng sự (1998), Mayda (2010), Nguyen & cộng sự (2021). Nguyên nhân là do các khu vực có cơ chế quản lý công khai, minh bạch, đảm bảo thực thi pháp luật và các quyền lợi của người dân sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước, khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh, từ đó thúc đẩy tăng trưởng

kinh tế, tạo cơ hội làm việc với mức thu nhập cao và ổn định cho người lao động (Mayda, 2010). Các chính sách quản trị hiệu quả nhằm thúc đẩy tiến bộ kinh tế - xã hội, phân bổ nguồn lực, xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần gia tăng thu nhập cá nhân ở nhóm người thu nhập thấp, nhóm yếu thế trong xã hội và giảm sự chênh lệch trong thu nhập của các nhóm dân cư, từ đó giảm bất bình đẳng thu nhập (Nguyen & cộng sự, 2021). Đặt trong bối cảnh Việt Nam, ổn định chính trị và cải thiện chất lượng quản trị không chỉ giúp nâng cao đời sống cho người dân mà còn thu hút lượng lớn vốn FDI, trực tiếp tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Theo kết quả Điều tra Lao động việc làm quý 1/2019 của Tổng cục Thống kê (2019), khu vực doanh nghiệp FDI đã và đang tạo công ăn việc làm cho 3,8 triệu người lao động với mức lương tương đối cao.

Kết quả tại Bảng 4 cũng cho thấy, di cư có ảnh hưởng ngược chiều đến bất bình đẳng thu nhập. Với mức ý nghĩa 1%, khi tỷ suất xuất cư của tỉnh tăng 1%, chỉ số bất bình đẳng thu nhập

của tỉnh giảm 0,0033 điểm. Nhiều nghiên cứu trước đây cũng đồng tình với kết quả trên, điển hình như Gustafsson & Sai (2014), Lopez-Feldman & Chavez (2017). Điều này có thể được lý giải bởi những người di cư thường có cơ hội tiếp cận với việc làm có thu nhập cao, qua đó giúp họ cải thiện thu nhập và giải quyết các khó khăn về tài chính (Lopez-Feldman & Chavez, 2017). Bên cạnh đó, xu hướng gửi kiều hối cho những người ở quê nhà của người di cư sẽ giúp tạo ra nguồn thu nhập mới, đặc biệt là với các hộ gia đình nghèo, vùng nông thôn hoặc vùng có nền kinh tế kém phát triển (Bang & cộng sự, 2016). Ngoài ra, việc quản trị hiệu quả kết hợp với các chính sách chuyển dịch lao động hợp lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho người di cư tiếp cận với cơ hội việc làm và cải thiện mức thu nhập. Tại Việt Nam, hiện có hơn 500 doanh nghiệp dịch vụ được cấp phép xuất khẩu lao động, trong đó từ năm 2010 đến nay đã đưa trên 1,4 triệu lao động đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn. Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, trong năm 2023, số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khoảng 155.000 người, lượng kiều hối từ lực lượng lao động này gửi về đạt khoảng 3,5-4 tỷ USD, điều này không chỉ giúp cải thiện thu nhập của người dân mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Bảng 4 cũng chỉ ra tỷ số giới tính, mật độ dân số, tỷ lệ thành thị - nông thôn và tăng trưởng GDP bình quân đầu người có tác động ngược chiều đến bất bình đẳng thu nhập, trong khi tỷ suất sinh thô và tỷ lệ nghèo có tác động cùng chiều với tình trạng bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam. Kết quả tại Bảng 4 cũng cho thấy, tình trạng bất bình đẳng thu nhập có xu hướng gia tăng tại các vùng Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ và xu hướng giảm ở các vùng Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

### **Khuyến nghị**

Với dữ liệu từ 63 tỉnh thành trong 5 năm (2012, 2014, 2016, 2018 và 2020), nghiên cứu đã lý giải mối quan hệ giữa chất lượng quản trị, di cư và bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam. Thứ nhất, chất lượng quản trị có mối quan hệ ngược chiều với di cư và bất bình đẳng thu nhập, đồng nghĩa với việc khi chất lượng quản trị được nâng cao, tỷ lệ xuất cư của tỉnh giảm, tình trạng bất bình đẳng thu nhập cải thiện. Thứ hai, bất bình đẳng thu nhập chịu tác động ngược chiều của tỷ lệ di cư (khi tỷ lệ xuất cư tăng lên, bất bình đẳng thu nhập sẽ giảm xuống).

Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định việc nâng cao chất lượng quản trị giúp làm giảm bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam. Thực tế, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, giải pháp để tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nhà nước, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, những chính sách này chưa tiếp cận tới khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, trong khi người dân ở khu vực này đang phải chịu những ảnh hưởng của chất lượng quản trị kém. Do đó, Chính phủ cần xác định đúng đối tượng, ban hành các chính sách hướng tới người dân tại các khu vực khó khăn, các chính sách đưa ra cần đảm bảo tính công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách. Đồng thời, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của các chính sách, nguồn lực để thực hiện hỗ trợ chăm sóc sức khỏe tinh thần duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, từ đó tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân, thu hẹp khoảng cách thu nhập.

Nhóm nghiên cứu đề xuất một số chính sách thúc đẩy di cư hợp lý nhằm giảm thiểu bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam. Chính phủ cần phải bảo đảm tổ chức các dự án thúc đẩy di cư lao động một cách có trật tự, điều chỉnh họ tới các vùng phát triển năng động hơn; giảm chi phí di cư, tạo điều kiện để người lao động ra nước ngoài làm việc cũng như sau khi về nước có vị trí làm việc phù hợp. Bên cạnh đó, Chính phủ

cũng cần có những chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, tay nghề cho người lao động di cư, tạo cơ hội cho họ tiếp cận với việc làm có thu nhập cao. Từ đó giúp những người di cư và gia

đình của họ có thêm thu nhập, giải quyết các khó khăn về kinh tế, ổn định cuộc sống và giảm bất bình đẳng thu nhập giữa các nhóm dân cư trong xã hội.

### Tài liệu tham khảo

1. Abed, G. T., & Gupta, S. (2002). The economics of corruption: An overview. *Governance, Corruption and Economic Performance. Washington: International Monetary Fund*, 1-16.
2. Ackah, C., & Medvedev, D. (2012). Internal migration in Ghana: Determinants and welfare impacts. *International Journal of Social Economics*, 39(10), 764-784.
3. Arif, I. (2022). Educational attainment, corruption, and migration: An empirical analysis from a gravity model. *Economic Modelling*, 110, 105802.
4. Aron, J. (2000). Growth and institutions: a review of the evidence. *The World Bank research observer*, 15(1), 99-135.
5. Bang, J. T., Mitra, A., & Wunnava, P. V. (2016). Do remittances improve income inequality? An instrumental variable quantile analysis of the Kenyan case. *Economic Modelling*, 58, 394-402.
6. Baudassé, T., Bazillier, R., & Issifou, I. (2018). Migration and institutions: Exit and voice (from abroad)?. *Journal of Economic Surveys*, 32(3), 727-766.
7. Benjamin, D., Brandt, L., & McCaig, B. (2017). Growth with equity: income inequality in Vietnam, 2002–14. *The Journal of Economic Inequality*, 15, 25-46.
8. Campos, D., Méndez, V., & Llopis, I. (2010). Persistent random motion: Uncovering cell migration dynamics. *Journal of theoretical biology*, 267(4), 526-534.
9. Ceka, B., & Magalhaes, P. C. (2020). Do the rich and the poor have different conceptions of democracy? Socioeconomic status, inequality, and the political status quo. *Comparative Politics*, 52(3), 383-412.
10. Đào Thúy Em (2022). Thực trạng bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 113-116.
11. Đỗ Tuyết Nhung & Lê Quang Cảnh (2020). Chất lượng thể chế quản trị địa phương và tăng trưởng kinh tế cấp tỉnh của Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, 280, 2-12.
12. Docquier, F., & Rapoport, H. (2012). Globalization, brain drain, and development. *Journal of economic literature*, 50(3), 681-730.
13. Du, G., Sun, C., & Fang, Z. (2015). Evaluating the Atkinson index of household energy consumption in China. *Renewable and Sustainable Energy Reviews*, 51, 1080-1087.
14. Easaw, J., & Savoia, A. (2009). *Inequality in developing economies: The role of institutional development* (No. 121). ECINEQ, Society for the Study of Economic Inequality.
15. Gerged, A., & Elheddad, M. (2020). How can national governance affect education quality in Western Europe?. *International Journal of Sustainability in Higher Education*, 21(3), 413-426.
16. Ghura, M. D. (1998). *Tax revenue in Sub-Saharan Africa: Effects of economic policies and corruption*. International Monetary Fund.
17. Giang, L. T., Nguyen, C. V., & Nguyen, H. Q. (2020). The impacts of economic growth and governance on migration: Evidence from Vietnam. *The European Journal of Development Research*, 32(4), 1195-1229.
18. Gustafsson, B., & Sai, D. (2014). Why is there no income gap between the Hui Muslim minority and the Han majority in rural Ningxia, China?. *The China Quarterly*, 220, 968-987.

19. Ha, N. M., Le, N. D., & Trung-Kien, P. (2019). The impact of urbanization on income inequality: A study in Vietnam. *Journal of Risk and Financial Management*, 12(3), 146.
20. Hansen, L. P. (1982). Large sample properties of generalized method of moments estimators. *Econometrica: Journal of the econometric society*, 50(4), 1029-1054.
21. Hoang, H. T., Tran, T. P., Le, A. H., Nguyen, T. D. T., & Phuong, N. H. (2021). The impact of migration on income poverty: A case study in Vietnam. *RESEARCH REVIEW International Journal of Multidisciplinary*, 6(4), 17-23.
22. Huang, C. J., & Ho, Y. H. (2018). The impact of governance on income inequality in ten Asian countries. *Journal of Reviews on Global Economics*, 7(1), 217-224.
23. Istiqomah, I., Purnomo, S. D., Rahmawati, G. P., & Rahmawan, P. G. (2020). Does Migration Outflow Reduce Income Inequality in the Sending Province?. *Economics Development Analysis Journal*, 9(2), 159-168.
24. Ji, G., Cheng, X., Kannaiah, D., & Shabbir, M. S. (2022). Does the global migration matter? The impact of top ten cities migration on native nationals income and employment levels. *International Migration*, 60(6), 111-128.
25. Koczan, Z., & Loyola, F. (2021). How do migration and remittances affect inequality? A case study of Mexico. *Journal of International Development*, 33(2), 360-381.
26. Le, Q. H., Do, Q. A., Pham, H. C., & Nguyen, T. D. (2021). The impact of foreign direct investment on income inequality in Vietnam. *Economies*, 9(1), 27.
27. López-Feldman, A., & Chávez, E. (2017). Remittances and natural resource extraction: Evidence from Mexico. *Ecological Economics*, 132, 69-79.
28. Mayda, A. M. (2010). International migration: A panel data analysis of the determinants of bilateral flows. *Journal of population economics*, 23, 1249-1274.
29. Mohamed, M. A., & Abdul-Talib, A. N. (2020). Push-pull factors influencing international return migration intentions: a systematic literature review. *Journal of Enterprising Communities: People and Places in the Global Economy*, 14(2), 231-246.
30. Musalem, A. R., & Ortiz, M. D. (2011). Governance and social security: Moving forward on the ISSA good governance guidelines. *International Social Security Review*, 64(4), 9-37.
31. Nguyen, C. V., Giang, L. T., Tran, A. N., & Do, H. T. (2021). Do good governance and public administration improve economic growth and poverty reduction? The case of Vietnam. *International public management journal*, 24(1), 131-161.
32. Nguyen, C. V., Van den Berg, M., & Lensink, R. (2011). The impact of work and non-work migration on household welfare, poverty and inequality: New evidence from Vietnam. *Economics of Transition*, 19(4), 771-799.
33. Nifo, A., & Vecchione, G. (2014). Do institutions play a role in skilled migration? The case of Italy. *Regional studies*, 48(10), 1628-1649.
34. Samarasinghe, T. (2018). *Impact of Governance on Economic Growth* (No. 89834). University Library of Munich, Germany.
35. Şaşmaz, M. Ü., & Sağdıç, E. N. (2020). The effect of government effectiveness and rule of law on economic growth: the case of European union transition economies. *Dokuz Eylül Üniversitesi İşletme Fakültesi Dergisi*, 21(1), 203-217.
36. Song, C. Q., Chang, C. P., & Gong, Q. (2021). Economic growth, corruption, and financial development: Global evidence. *Economic Modelling*, 94, 822-830.
37. Taylor, J. E., & Wyatt, T. J. (1996). The shadow value of migrant remittances, income and inequality in a household-farm economy. *The Journal of Development Studies*, 32(6), 899-912.

38. Trubek, L. G., & Das, M. (2003). Achieving equality: healthcare governance in transition. *American Journal of Law & Medicine*, 29(2-3), 395-421.
39. Tsui, K. Y. (1995). Multidimensional generalizations of the relative and absolute inequality indices: the Atkinson-Kolm-Sen approach. *Journal of Economic Theory*, 67(1), 251-265.
40. Valeriani, E., & Peluso, S. (2011). The impact of institutional quality on economic growth and development: An empirical study. *Journal of Knowledge Management, Economics and Information Technology*, 1(6), 1-25.
41. Vo, D. H., Nguyen, T. C., Tran, N. P., & Vo, A. T. (2019). What factors affect income inequality and economic growth in middle-income countries?. *Journal of Risk and Financial Management*, 12(1), 40.
42. Zhang, M. (2004). *China's Poor Regions: Rural-Urban Migration, Poverty, Economic Reform and Urbanisation*. Routledge.

---

**Thông tin tác giả:****1. Đỗ Vũ Phương Anh, TS.**

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Địa chỉ email: dvphuonganh@vnu.edu.vn

**2. Hoàng Thị Huệ, TS.**

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

**3. Nguyễn Thị Bích Trâm, Sinh viên**

- Đơn vị học tập: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

**4. Lê Phan Tuấn Đạt, Sinh viên**

- Đơn vị học tập: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 05/04/2024

Ngày nhận bản sửa: 12/05/2024

Ngày duyệt đăng: 30/05/2024